

MÔN LỊCH SỬ- ĐỊA LÍ 6 TUẦN 5 + 6
TỪ NGÀY 4/10- 16/10/2021

A. LỊCH SỬ

Bài 5: Sự chuyển biến từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp

I. Sự xuất hiện của công cụ bằng kim loại

+ Trước khi có kim loại, con người dùng nguyên liệu gì làm công cụ lao động ?

.....

.....

.....

+ Con người đã tìm ra kim loại gì đầu tiên ?

.....

.....

.....

+ Đồng được tìm thấy ở đâu ? Vào thời gian nào ? (đồng đỏ, đồng thau và sắt. Người Tây Á và Ai Cập biết dùng đồng đỏ; người Nam Âu và Tây Á biết dùng đồ sắt)

.....

.....

.....

+ Ngoài đồng ra, con người còn tìm thấy những kim loại nào nữa trong tự nhiên

.....

.....

.....

.....

- Quan sát hình từ 5.2 đến 5.4 và cho biết: công cụ và vật dụng bằng kim loại có điểm gì khác biệt về hình dáng, chủng loại so với công cụ bằng đá ?

.....

.....

- Kim loại được sử dụng vào mục đích gì trong đời sống của con người cuối thời nguyên thủy ?

.....
.....

II. Sự chuyển biến trong xã hội nguyên thủy

- GV dựa vào sơ đồ 5.5 và hỏi HS:

+ Nguyên nhân nào dẫn đến sự phân hoá giữa “kẻ giàu” và “người nghèo” ?

.....
.....

+ Mối quan hệ giữa người với người trong xã hội phân hoá “kẻ giàu” và “người nghèo”?

.....
.....

+ Vì sao xã hội nguyên thủy ở phương Đông phân hoá không triệt để ? (câu này GV nhấn mạnh “sự tồn tại dai dẳng của công xã nông thôn”)

.....
.....

III. Việt Nam cuối thời nguyên thủy

- Khoảng hơn 4.000 năm trước đây, xã hội nguyên thủy Việt Nam có gì nổi bật ? (có những chuyển biến to lớn)

.....
.....

- Những chuyển biến quan trọng của xã hội Việt Nam cuối thời nguyên thủy là gì ? (thể hiện qua các nền văn hoá, cư dân phát minh ra thuật luyện kim và chế tác công cụ bằng đồng, định cư ven sông lớn với đời sống tinh thần phong phú)

.....
.....

- Quan sát các hình 5.6 đến hình 5.9, em hãy cho biết cuối thời nguyên thủy, người Việt cổ đã có những công cụ lao động và những ngành nghề sản xuất nào ? (vd: công

cụ mũi nhọn dùng trong săn bắt và trồng trọt, mũi giáo và cung tên để săn bắn; đồ gốm và đồ gốm chứng tỏ thuật luyện kim rất phát triển và có sự chuyên môn hoá)

HỌC SINH GHI BÀI HỌC VÀO VỞ

Bài 5: Sự chuyển biến từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp

I. Sự xuất hiện của công cụ bằng kim loại

- Vào thiên niên kỷ V TCN, con người tìm ra kim loại đầu tiên là đồng đỏ.
- Đầu thiên niên kỷ IV TCN, họ luyện đồng thau và sắt
- Việc chế tạo công cụ lao động giúp con người khai hoang, khai mở, luyện kim, làm nông nghiệp...

II. Sự chuyển biến trong xã hội nguyên thủy

- Nhờ có kim loại, con người tăng năng suất lao động nên sản phẩm dư thừa → phân hoá giàu nghèo
- Ở phương Tây, phân hoá giàu nghèo triệt để.
- Ở phương Đông, phân hoá giàu nghèo không triệt để do “tính cố kết cộng đồng” của cư dân rất mạnh mẽ.

III. Việt Nam cuối thời nguyên thủy

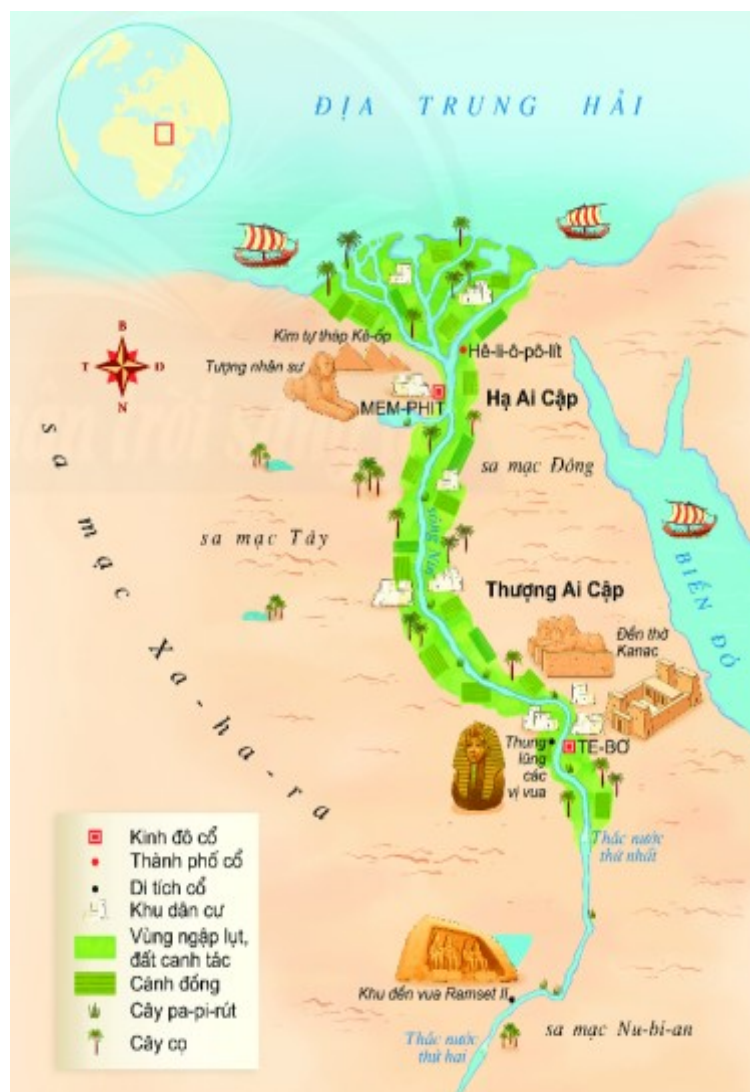
- Hơn 4.000 năm trước đây, xã hội nguyên thủy Việt Nam có chuyển biến trải qua văn hoá Phùng Nguyên, Đông Đậu, Gò Mun với thuật luyện kim, biết chế tác nhiều loại công cụ lao động bằng đồng.
- Việc sử dụng công cụ lao động bằng kim loại giúp cư dân làm nông nghiệp, nghề thủ công và mở rộng địa bàn cư trú để thành lập các xóm làng đầu tiên.

CHƯƠNG III: XÃ HỘI CỔ ĐẠI

Bài 6: Ai Cập cổ đại

I. Điều kiện tự nhiên

+ HS xác định vị trí của Ai Cập trên bản đồ thế giới



+ HS đọc bản đồ Ai Cập cổ đại, xác định các ký hiệu: kinh đô, thành phố cổ, vị trí sông Nin, vùng nào trên sông Nin là vùng canh tác lúa, vùng nào thường xuyên ngập lụt (có thể yêu cầu HS xác định bằng đặt các câu hỏi: ở đâu, vị trí nào)

.....

.....

- Hoạt động nhóm: GV gợi ý cho HS đọc trước SGK/32 trả lời các câu hỏi sau:

+ Sông Nin đem lại những thuận lợi và khó khăn gì cho người Ai Cập cổ đại ?

.....

.....

+ Những thuận lợi và khó khăn có nguyên nhân do đâu ? (gợi ý: Hs xem hình 6.2 để trả lời câu hỏi)

.....

+ Quan sát người 6.1, 6.3 và đoạn văn của SGK/32, em hãy cho biết chữ nào trong hai chữ tượng hình dưới đây miêu tả hoạt động đi thuyền của người Ai Cập cổ đại ? (để giúp Hs, GV có thể đặt thêm các câu hỏi gợi ý: sông Nin chảy từ hướng nào đến hướng nào ?.... gợi ý thêm để Hs suy luận và trả lời câu hỏi).

.....

II. Quá trình thành lập nhà nước Ai Cập cổ đại

GV yêu cầu Hs đọc SGK/34, kết hợp hình 6.1 và hình 6.4 và trả lời câu hỏi:

- Những cư dân nào của Ai Cập cổ đại đã xâm nhập vào sông Nin ? (thổ dân Ai Cập, người Hamites của Tây Á). Liên hệ với phần 1 thì hỏi thêm câu: Tại sao họ xâm nhập vào sông Nin ?

.....

- Vào sông Nin, cư dân sống theo từng ? (có 42 nome (công xã))

.....

- Vào thời gian nào, vua Narmer thống nhất nhà nước Ai Cập cổ đại ?

.....

- Em hãy quan sát hình 6.4 kết hợp đọc “em có biết” và trả lời câu hỏi: quá trình thống nhất đất nước Ai Cập được thực hiện bằng cách thức nào (chiến tranh, hoà bình, thương lượng) trong phiến đá Narmer ? Chi tiết nào chứng minh điều đó ? - Narmer và những người kế vị đã cai trị Ai Cập theo hình thức nào ? Đứng đầu nhà nước Ai Cập cổ đại là ai ?

.....

- Nhà nước Ai Cập sụp đổ vào thời gian nào ?

.....

III. Những thành tựu văn hoá tiêu biểu

Dựa vào 4 nội dung: chữ viết, toán học, kiến trúc và điêu khắc, Y học và hình 6.5, hình 6.6, hình 6.7 / sgk trang 35,36 hãy trả lời các câu hỏi sau

+ Em ấn tượng nhất là thành tựu nào của người Ai Cập cổ đại ? Vì sao ?

.....

+ Vì sao hình học ở Ai Cập lại phát triển ?

.....

HỌC SINH GHI BÀI HỌC VÀO VỞ

CHƯƠNG III: XÃ HỘI CỔ ĐẠI

Bài 6: Ai Cập cổ đại

I. Điều kiện tự nhiên

- Ai Cập nằm ở Đông Bắc châu Phi.

- Sông Nin mang nguồn nước dồi dào phục vụ nông nghiệp, là tuyến đường giao thông quan trọng

II. Quá trình thành lập nhà nước Ai Cập cổ đại

- Năm 3200 TCN, vua Menes thống nhất các nome ở Thượng và Ai Cập thành nước Ai Cập thống nhất.

- Các pharaoh có quyền tối cao, cai trị theo hình thức cha truyền con nối

- Năm 30 TCN, Ai Cập bị quân La Mã thống trị

III. Những thành tựu văn hoá tiêu biểu

- Chữ viết :chữ tượng hình, viết trên giấy papyrus

- Toán học : giỏi về hình học

- Kiến trúc và điêu khắc có nhiều tác phẩm nổi bật:

+ Kiến trúc: Kim Tự Tháp Kê ôp (Ai Cập)

+ *Điêu Khắc : tượng bán thân nữ hoàng Nê- phéc-ti-ti, mặt nạ vua Tu-tan-kha-mun*

- *Y học: kỹ thuật ướp xác.*

B. ĐỊA LÍ

Nội dung bài học

Tuần 6 – Bài 3

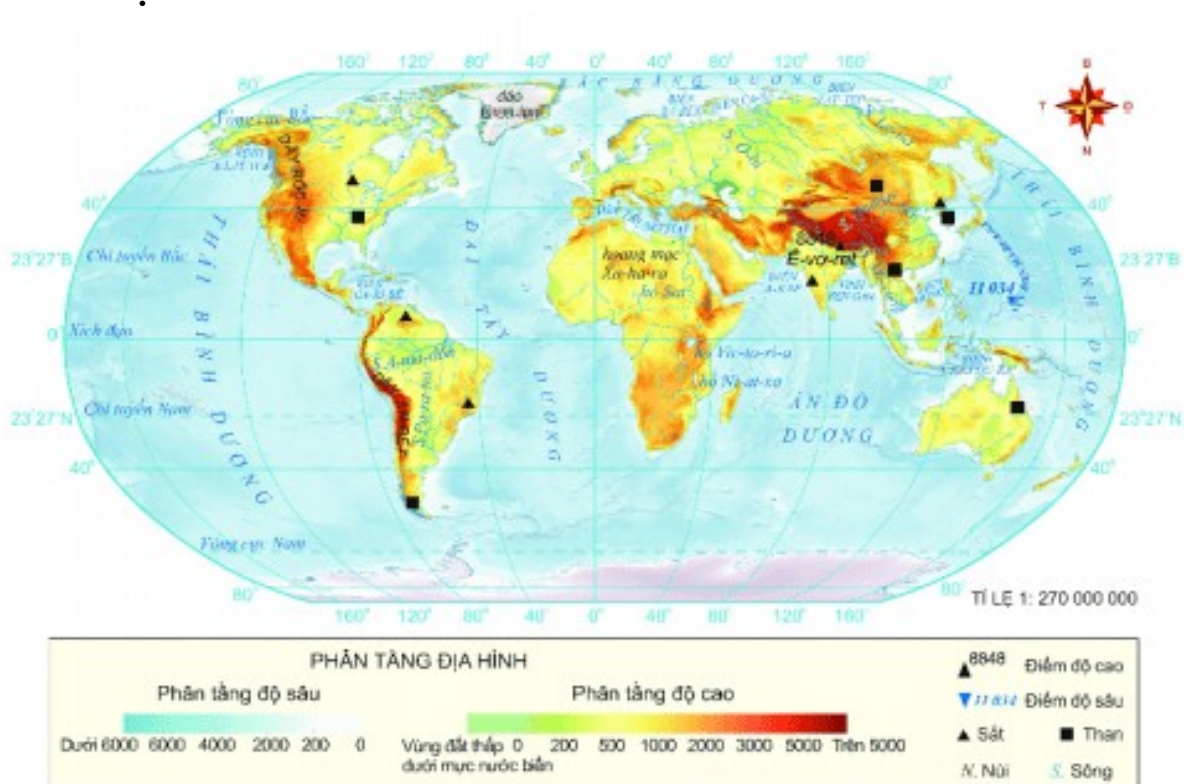
BÀI 2: KÍ HIỆU VÀ CHÚ GIẢI TRÊN MỘT SỐ BẢN ĐỒ THÔNG DỤNG

III. LUYỆN TẬP

Câu 1: Hoàn thành bảng sau: (HS xem lại nội dung tuần 4 để điền thông tin)

Loại kí hiệu	Ý nghĩa	Hình vẽ ví dụ
Tượng hình		
Hình học		
Điểm		
Đường		
Diện tích		

Câu 2: Dựa vào bản đồ sau:



- Dạng kí hiệu nào được sử dụng để hiện thị các loại khoáng sản? kể tên các loại khoáng sản?
- Hãy cho biết tên của 2 dãy núi lớn ở Châu Mỹ (Bắc Mỹ và Nam Mỹ)?
- Hãy cho biết độ cao của đỉnh núi Everest

Nội dung bài học

Tuần 6 – Bài 3

Bài 3: TÌM ĐƯỜNG ĐI TRÊN BẢN ĐỒ

1. Phương hướng trên bản đồ (HS ghi vào tập)

- + Các hướng chính: Đông, Tây, Nam, Bắc
- + Các hướng trung gian: Đông Bắc, Tây Bắc, Đông Nam, Tây Nam.

- Theo qui ước, phần chính giữa bản đồ là phần trung tâm. Đầu trên kinh tuyến chỉ hướng Bắc. Đầu dưới chỉ hướng Nam. Đầu bên phải của vĩ tuyến chỉ hướng Đông. Đầu bên trái chỉ hướng Tây.
- Mũi tên chỉ hướng Bắc, Kim chỉ nam
- Đối với những bản đồ không thể hiện lưới kinh, vĩ tuyến chúng ta cần dựa vào kim chỉ nam hoặc mũi tên chỉ hướng Bắc để xác định hướng bắc, sau đó tìm các hướng còn lại.

2. Tỷ lệ bản đồ (HS ghi vào tập)

- Tỷ lệ bản đồ cho biết mức độ thu nhỏ của khoảng cách trên bản đồ so với khoảng cách trên thực địa.

Để thể hiện lệ bản đồ người ta dùng tỉ lệ số và tỉ lệ thước.

+ **Tỉ lệ số:** Là phân số có tử luôn là 1. Mẫu số càng lớn thì tỉ lệ bản đồ càng nhỏ và ngược lại

+ **Tỉ lệ thước:** Là thước đo được tính sẵn, mỗi đoạn đều ghi số độ dài tương ứng trên thực địa.

Lưu ý: Để tính khoảng cách trên thực tế dựa vào khoảng cách trên bản đồ và tỷ lệ bản đồ ta có công thức tính sau

$$a = b \times c$$

a: Khoảng cách thực tế

b: Khoảng cách trên bản đồ

c: Tỷ lệ bản đồ

Vd: Cho bản đồ tỷ lệ 1: 2.000.000, Hãy cho biết

a, 1cm trên bản đồ bằng bao nhiêu cm và km ở thực tế

b, 4 cm trên bản đồ ứng với bao nhiêu km trên thực tế ?

Giải

a. Theo đề bài ta có ($c = 2.000.000$ (tỉ lệ bản đồ) và $b = 1$ (khoảng cách trên bản đồ)

-> Áp dụng công thức $a = b \times c$

$$= 1 \times 2.000.000 = 2.000.000 \text{ cm} = 20 \text{ km (đổi cm qua km)}$$

b. Theo đề bài ta có ($c = 2.000.000$ (tỉ lệ bản đồ) và $b = 4$ (khoảng cách trên bản đồ)

-> Áp dụng công thức $a = b \times c$

$$= 4 \times 2.000.000 = 8.000.000 \text{ cm} = 80 \text{ km (đổi cm qua km)}$$

3. Tìm đường đi trên bản đồ

- Để tìm đường đi trên bản đồ, cần thực hiện theo các bước

Bước 1: Xác định nơi đi và nơi đến, xác định hướng đi trên bản đồ.

Bước 2: Sử dụng bảng chú giải để tìm các cung đường có thể đi và lựa chọn cung đường thích hợp với mục đích (ngắn nhất, thuận lợi nhất), đảm bảo tuân thủ theo quy định của luật an toàn giao thông.

Bước 3: Dựa vào tỉ lệ bản đồ để xác định khoảng cách thực tế sẽ đi.

Hướng dẫn nội dung cần đạt (HS không ghi vào tập)

- Biết xác định phương hướng trên bản đồ và tính khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm trên bản đồ theo tỉ lệ bản đồ.
- Biết đọc bản đồ, xác định được vị trí của đối tượng địa lí trên bản đồ.
- Biết tìm đường đi trên bản đồ.

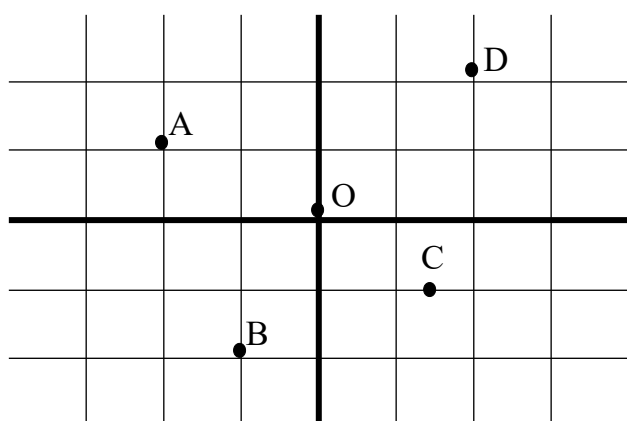
Hướng dẫn bài tập (HS xem hướng dẫn và hoàn thành các bài vào tập)

Bài 1: Dựa vào số ghi tỉ lệ của bản đồ sau đây 1: 1.000.000 ,em cho biết

- 1cm trên bản đồ bằng bao nhiêu cm ở thực tế
- 5cm trên bản đồ bằng bao nhiêu cm và km ở thực tế

Bài 2: Dựa vào hệ thống kinh tuyến vĩ tuyến sau xác định các hướng:

- Xác định hướng đi từ:



O → A

.....

O → B

.....

O → C

.....

O → D

.....

Để xác định các hướng trên bản đồ ta cần nhớ sơ đồ các hướng sau:



Hướng dẫn: Lấy thước nối từ điểm xuất phát cho đến điểm đến

Vd: O→A ta nối từ O đến A , sau đó đối chiếu với sơ đồ

Các hướng để xác định hướng .Ta thấy O→A sẽ trùng với

hướng Tây Bắc của sơ đồ. Kết luận O→ A có hướng Tây Bắc